

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2021/HN&GD-ST

Ngày: 26 - 3 - 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Ba.

2. Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 439/2020/TLST-HN&GD, ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HN&GD, ngày 19 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2021/QĐST- HN&GD, ngày 09/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị TR, sinh năm: 1988;

HKTT: Xã NL, huyện ND, tỉnh NA.

Tạm trú: Số nhà 33, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 7, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Minh Q, sinh năm: 1979;

HKTT: Tổ 3, thôn 8, xã Đa Kai, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

Tạm trú: Số nhà 651/82, Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” lập ngày 12/10/2020, cùng các bản tự khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì việc trình bày của chị Trần Thị TR thể hiện:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Minh Q tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau rồi đi đến kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐK, huyện ĐL, tỉnh BT, số giấy chứng nhận kết hôn: 62, quyển số: 01/2010, đăng ký ngày 29/9/2010. Trong đời sống hôn nhân, đến năm 2017 thì giữa chị và anh Q đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là anh Q thường xuyên bài bạc, đánh đập, ngược đãi vợ con, không lo vun đắp cho cuộc sống gia đình. Từ đó chị và anh Q đã sống ly thân với nhau hơn hai năm nay. Chị xác định không còn tình cảm yêu thương, quý trọng đối với anh Q nữa. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị với anh Q có với nhau 02 người con chung tên Trần Thị Thanh H, sinh ngày 26/02/2011 và Trần Minh Đại PH, sinh ngày 20/01/2017. Hiện nay cháu H đang sống với chị ở tại Đà Lạt, còn cháu PH đang sống với cha là anh Q tại Hà Nội. Chị yêu cầu giải quyết quyền được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung là cháu Trần Thị Thanh H, anh Q sẽ tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc người con chung là cháu Trần Minh Đại PH. Không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản khai của anh Trần Minh Q ngày 11/9/2020, được sao lục từ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 159, ngày 08/5/2020 thể hiện.

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị TR tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐK, huyện ĐL, tỉnh BT. Anh công nhận trong thời gian chung sống, anh với chị TR có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính chất công việc, anh thường xuyên đi làm xa nhà nên tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt phai, cô TR có người đàn ông khác. Tuy nhiên, anh cho rằng đó là chuyện nhỏ, vì hai con anh còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn. Anh và cô TR đã sống ly thân từ tháng 3/2019 tới nay

Về con chung: Anh với chị TR có với nhau 02 người con chung tên Trần Thị Thanh H, sinh ngày 26/02/2011 và Trần Minh Đại PH, sinh ngày 20/01/2017. Trường hợp giải quyết ly hôn anh yêu cầu mỗi người nuôi một đứa, anh nuôi cháu Trần Minh Đại PH mà không yêu cầu ai phải là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, cùng chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong quan hệ vợ chồng giữa chị TR và anh Q đã thực sự nghiêm trọng, phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do hai bên thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không cảm thông chia sẻ cho nhau, không tìm được tiếng nói chung. Hiện anh chị đã ly thân với nhau được 2 năm. Từ đó, thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị TR và anh Q không thể hàn gắn được nữa, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị TR là có căn cứ và đúng pháp

luật.

Về con chung: Chị TR có nguyện vọng nuôi con là Trần Thị Thanh H, đồng thời cháu H cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, giao cháu H cho chị TR trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị TR không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện lập ngày 12/10/2020, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Thị TR và anh Trần Minh Q tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Kai, huyện ĐL, tỉnh BT, số giấy chứng nhận kết hôn: 62, quyển số: 01/2010, đăng ký ngày 29/ 9/2010. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, sau ngày cưới, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do hai người thiếu sự quan tâm, vun đắp cho hạnh phúc gia đình, anh thường xuyên đi làm xa nhà dẫn đến tình cảm vợ chồng nhạt phai. Trong quá trình tố tụng, Tòa án cũng đã tổ chức nhiều phiên hòa giải, nhằm hàn gắn cho anh chị về sống đoàn tụ với nhau, nhưng anh Q không tham gia, kết quả không tiến hành hòa giải được. Hiện tại anh chị đã sống ly thân một thời gian dài. Mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm, chia sẻ với ai. Chị TR xác định không còn tình cảm yêu thương gì với anh Q nữa, chị nhất định yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị TR với

anh Q đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị TR là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình

[5] Về con chung: Cả chị TR cùng anh Q đều thống nhất yêu cầu giải quyết mỗi người nuôi dưỡng một người con chung. Chị TR được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Trần Thị Thanh H, anh Q sẽ tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc người con chung là cháu Trần Minh Đại PH. Không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của cả chị TR và anh Q đều là những yêu cầu hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các cháu, không trái với quy định của pháp luật. Do vậy, thấy cần ghi nhận sự thỏa thuận trên là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị TR và anh Q không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án này.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị TR là người phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Về áp dụng án lệ: Vụ án ly hôn giữa chị Trần Thị TR và anh Trần Minh Q là vụ án Hôn nhân và Gia đình. Theo đơn khởi kiện của chị TR thì Tòa án xem xét giải quyết quan hệ ly hôn theo quy định của luật Hôn nhân và Gia đình. Nghiên cứu tất cả án lệ do Tòa án nhân dân tối cao công bố, không có vụ nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử.

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị TR.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị TR ly hôn anh Trần Minh Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị TR trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung có tên Trần Thị Thanh H, sinh ngày 26/02/2011. Giao cho anh Trần Minh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung có tên Trần Minh Đại PH, sinh ngày 20/01/2017. Chị TR và anh Q không ai phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị TR phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị TR đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004020, ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị TR đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú (đã giải thích).

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã Đa Kai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đức